TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 13-7-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Bình Trọng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Giang Vân;
2. Bà Trần Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

L V L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/02/1985 tại HUYỆN B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn M 1, xã X, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông L V D sinh năm 1933; con bà Lư T M sinh năm 1936; có vợ là L T T sinh năm 1988 đã ly hôn; có 04 con, con lớn sinh năm 2006 con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/3/2022; hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L V L*: Bà Đỗ Thị Thu Ba - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt;

- *Bị hại*: Anh N V Q sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn H, xã X HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;

- *Người làm chứng*: Chị T T H sinh năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: L T, T Y, Yên Bái; nơi ở: Thôn H, xã X HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng số 17/CT-VKSBT ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L V L sinh năm 1985 trú tại Thôn M 1, xã X, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai làm thuê tại xưởng gỗ của gia đình anh N V Q sinh năm 1988 ở Thôn H, xã X HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. L thường xuyên tìm mua những đồi cây của người khác và báo lại để anh Q mua và L hưởng tiền công. Ngày 01/01/2022 do muốn có tiền tiêu sài nên L đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh Q. Vào buổi sáng ngày 01/01/2022 L gọi điện cho anh Q nói dối anh Q là có 01 đồi cây gỗ muốn bán cho anh Q, anh Q đồng ý. L hẹn anh Q ở cây xăng khu vực ngã ba X G thuộc thôn G B, xã X, HUYỆN B. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày anh Q đi cùng chị T T H sinh năm 1996 trú tại Thôn H, xã X HUYỆN B tới nơi hẹn và được L dẫn đường tới một đồi cây gỗ tại thôn Soi Chát, xã Sơn Hải, HUYỆN B. Lắm chỉ ranh giới đồi cây và nói dối anh Q là L mua đồi cây này của bố mẹ vợ anh N V L1 trú tại thôn Soi Chát, xã Sơn Hải, HUYỆN B với giá 10.000.000 đồng. Sau khi xem xong, anh Q nhất trí mua đồi cây này và sẽ cho L thêm 1.000.000 đồng, L xin thêm 500.000 đồng nói để cho L1 vị L1 có công giới thiệu đồi cây cho Lắm, anh Q nhất trí. Sau khi xem đồi cây và thoả thuận xong cả ba đi xuống vị trí đỗ xe ô tô của anh Q cách chân đồi cây khoảng 30 m, tại đây anh Q bảo chị H đưa cho L 11.500.000 đồng. Đến sáng ngày 15/01/2022 anh N V Q thuê người đến khai thác đồi cây nhưng khi đang khai thác thì bị phát hiện, người dân đã báo cho anh B V T và ông B V T cùng trú tại thôn Soi Chát, xã Sơn Hải, HUYỆN B là chủ của đồi cây biết. Sau khi anh Q biết sự việc đã trình báo cơ quan Công an. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an HUYỆN B, L V L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án L V L đã nhất trí bồi thường cho anh N V Q số tiền 14.500.000 đồng gồm 11.500.000 đồng là tiền mà L chiếm đoạt của anh Q, tiền công thuê người khai thác đồi cây 3.000.000 đồng. Tuy nhiên L V L mới bồi thường được cho bị hại 3.000.000 đồng tiền thuê người khai thác đồi cây, còn lại 11.500.000 đồng L chưa bồi thường cho anh Q.

Về vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ 102 khúc gỗ, chiều dài mỗi khúc là 2,4 m, chu vi vanh trung bình của 102 khúc gỗ là 40 cm là loại gỗ mỡ và gỗ mý; 20 khúc gỗ đã xẻ thành thanh gỗ có kích thước như nhau, tổng số 50 thanh gỗ có kích thước mỗi thanh dài 2,4 m, hai cạnh còn lại có kích thước 05 cm x 07 cm là gỗ mà anh Q đã khai thác vào ngày 15/01/2022. Quá trình điều tra xác định số gỗ này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông B V T và anh B V T. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Ông Tđã thoả thuận bán lại cho L V L số gỗ trên và số gỗ còn lại chưa khai thác của gia đình ông với giá 45.000.000 đồng. Ông T đã nhận đủ tiền và không yêu cầu L V L phải bồi thường khoản tiền nào khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 18, ngày 01/02/2022 trả lại cho L V L số gỗ trên.

Cáo trạng truy tố L V L phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự có quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo L V L từ

07 tháng tù đến 10 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại N V Q 3.000.000 đồng tiền chi phí khai thác gỗ, buộc bị cáo phải bồi thường chi bị hại N V Q số tiền 11.500.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt.

+ Tuyên án phí và quyền kháng cáo và án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa: Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo L V L là có căn cứ; bị cáo L được sinh ra và lớn lên trong gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu thốn, bị cáo hiểu biết pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 65 của Bộ luật hình sự; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo L V L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Ý kiến của bị hại N V Q: L V L đã làm thuê tại xưởng gỗ của anh được 05 năm, ngày 01/01/2022 L V L gọi điện và bán cho anh một đồi cây gỗ mỡ và mý với giá 11.500.000 đồng, ngay sau khi xem đồi cây xong anh bảo với chị H (là bạn gái anh) đưa đủ số tiền 11.500.000 đồng cho Lắm, vào ngày 15/01/2022 khi anh thuê người đang khai thác đồi gỗ này thì chủ đồi gỗ phát hiện, khi làm việc với Công an thì anh mới phát hiện bị L V L lừa đảo.

- Ý kiến của người làm chứng T T H: Tôi với anh Q có quan hệ yêu đương, vào ngày 01/01/2022 tôi cùng anh Q được L V L dẫn đến một đồi cây gỗ, L V L nói đã mua đồi cây này, dẫn anh Q đi xem và bán lại đồi cây cho anh Q 11.500.000 đồng, khi hai bên thoả thuận xong thì tôi là người trực tiếp đưa cho L V L số tiền 11.500.000 đồng, gồm 23 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Số tiền này là tiền của anh N V Q, không liên quan đến tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo L V L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, của những người làm chứng, biên bản xác định địa điểm đối tượng thực hiện hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 5/12 tuy nhiên, nguyên nhân dẫn tới việc phạm tội là do chi tiêu hoang phí dẫn tới việc nợ nần, từ đó mới nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Q, bị cáo đã gian dối trong việc lừa nói với anh Q đã mua đồi cây để chiếm đoạt của anh Q số tiền 11.500.000 đồng. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai truy tố đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo L V L đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nên cần phải

xử lý nghiêm. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bố của bị cáo là ông L V D được tặng thưởng Huy Chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hôi của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát về hình phạt chính cho bị cáo chấp hành hình phạt tù từ từ 07 đến 10 tháng tù là nghiêm khắc, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét. Đối với các đề nghị khác thì Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với đề nghị của người bào chữa: Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng; về mức hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án từ từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo là có căn cứ, nhưng đề nghị thời gian thử thách 01 năm là chưa phù hợp.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản đáng giá nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với vật chứng là 102 khúc gỗ, chiều dài mỗi khúc là 2,4 m, chu vi vanh trung bình của 102 khúc gỗ là 40 cm là loại gỗ mỡ và gỗ mý; 20 khúc gỗ đã xẻ thành thanh gỗ có kích thước như nhau, tổng số 50 thanh gỗ có kích thước mỗi thanh dài 2,4 m, hai cạnh còn lại có kích thước 05 cm x 07 cm là gỗ mà anh Q đã khai thác vào ngày 15/01/2022 quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 18, ngày 01/02/2022 trả lại cho chủ sở hữu; đối với đồi cây của ông B V T thì sau khi tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành thì L V L với ông B V T đã thoả thuận giá mua bán toàn bộ đồi cây, bị cáo L đã khai thác hết số gỗ và trả cho Ông T số tiền 45.000.000 đồng. Ông T không còn yêu cầu đề nghị gì khác. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết đối với số vật chứng này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Q số tiền 11.500.000 đồng; chi phí bị hại thuê người đi khai thác gỗ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 14.500.000 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo L mới bồi thường được cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng là tiền chi phí thuê người đi khai thác gỗ. Còn số tiền bị cáo L lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Q số tiền 11.500.000 đồng thì bị cáo chưa bồi thường. Do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền này.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an HUYỆN B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[6] Về án phí: Bị cáo L V L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 575.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 48; các điểm h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo L V L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo L V L 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã X, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L V L phải bồi thường cho bị hại N V Q số tiền 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo L V L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, 575.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 775.000 đồng tiến án phí.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND HUYỆN B;
- Công an HUYỆN B;
- Chi cục THA DS HUYỆN B;
- Bị cáo L;
- NBC (bà Ba);
- Bị hại Q;
- Lưu: HS, THS, THAHS, TA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng